

Bản án số: **33** /2020/HS-ST
Ngày 20-7- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Mai Phương - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:c

Nguyễn Thị Tuyết Nh; sinh ngày 07 tháng 5 năm 1991 tại Đà Nẵng. Nơi cư trú: Tổ 34, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trí D(sinh năm :1968) và bà Đỗ Thị Như T(sinh năm :1964); Cả 02 đều còn sống; Gia đình có 02 người con, bị cáo là con đầu; Bị cáo chưa đăng ký kết hôn nhưng có con Nguyễn Gia Đ, sinh năm: 2014 và đang mang thai tháng thứ 7; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.Có mặt.

Bị hại:

+ Ông Lương Văn Ph, sinh năm: 1961. Vắng mặt

+ Ông Lương Đức H, sinh năm: 2000. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: số 210 Qu, tổ 84, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Nguyễn Tiến Th, sinh năm: 2000. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 34, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Đỗ Thị Như T, sinh năm: 1964. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 34, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

+ Ông Lữ Mạnh H, sinh năm: 1974. Vắng mặt

Địa chỉ: 76 Tr, phường Th, quận Th, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2019, Lương Đức H là bị can trong vụ án: Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ do cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ đang thụ lý, điều tra. Do tâm lý lo lắng về việc sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật nên H thông qua Nguyễn Tiến Th là bạn cùng học với H nhờ chị gái của Th là bị cáo Nguyễn Thị Tuyết Nh dò hỏi thông tin về vụ án, bị cáo đồng ý. Thông qua quan hệ xã hội bị cáo nhờ Kh (không xác định được nhân thân, địa chỉ) hỏi giúp được một số thông tin về vụ án, Kh nói rõ với bị cáo là không thể giúp thêm gì hơn vì Kh không quen biết với cán bộ điều tra về vụ án. Từ những thông tin có được do Kh cung cấp, bị cáo đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H và cha của H là Lương Văn Ph bằng cách nói dối là có nhiều mối quan hệ, quen biết có thể lo cho H không bị truy tố, xét xử khiến ông Ph và H tin là thật nên đã nhờ bị cáo “chạy án” cho H. Như đã hẹn qua điện thoại với Ông Lương Văn Ph, chiều ngày 30.8.2019 bị cáo điều khiển xe ô tô BKS: 43A - 093.63 đến nhà gặp ông Ph, tại đây bị cáo và ông Ph thống nhất là bị cáo sẽ: “chạy án” cho H để vụ án được Đình chỉ trong giai đoạn điều tra với tổng chi phí là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Ngay sau khi thống nhất bị cáo đã nhận trước số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tự viết giấy, ký tên Nguyễn Thị Tuyết Nh đồng thời giao giấy nhận tiền cho ông Ph cất giữ. Đến ngày 20 tháng 9 năm 2019, theo yêu cầu của bị cáo, ông Ph đưa tiền để H giao tiếp cho bị cáo thêm 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Số tiền chiếm đoạt được bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Tiếp đến ngày 04 tháng 10 năm 2019 do cần tiền nên bị cáo tiếp tục nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt máy laptop của H để bán lấy tiền. Bị cáo dùng thủ đoạn nói dối với H là cho mượn máy laptop hiệu MSI GF 627RE1818XVN để soạn thảo đơn lo chạy việc của H. H tưởng thật nên đồng ý cho mượn, bị cáo nhờ em ruột của bị cáo là Nguyễn Tiến Th đến nhà H mang máy laptop về nhà cho bị cáo. Ngay sáng hôm sau, ngày 05 tháng 10 năm 2019 vì không biết chỗ nhận cầm cố máy laptop được giá cao nên bị cáo nói dối Th là H nhờ bị cáo cầm máy laptop để H lấy tiền lo “chạy án”. Th tin bị cáo nói thật nên đã mang máy laptop đến tiệm cầm đồ Kim Linh cầm được 8.000.000đ (Tám triệu đồng), Th đưa hết tiền cho bị cáo, bị cáo tiêu xài cá nhân hết. Sau khi hết thời hạn cầm đồ, tiệm Kim Linh đã bán máy laptop trên nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ không thu hồi được.

Theo Kết luận định giá tài sản số 03 ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản quận Cẩm Lệ kết luận: máy laptop hiệu MSI GF 627 RE

1818 XVN màu đen tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 15.145.000đ, Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt sau 02 lần phạm tội là 38.145.000đ (Ba mươi tám triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Tang vật tạm giữ gồm:

+ 01 bản chính giấy nhận tiền do bị cáo Nguyễn Thị Tuyết Nh viết, ký tên;

+ 01 điện thoại di động hiệu HuaWei màu vàng;

+ 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu vàng;

+ 01 đĩa CD được niêm phong, có chữ ký của Ông Lương Văn Ph.

Sau khi tạm giữ các tang vật trên nhằm mục đích thu thập dữ liệu, chứng cứ chứng minh trong vụ án, đến nay đã trả lại 02 điện thoại di động màu vàng hiệu HuaWei và Sam Sung cho Lương Đức H. Riêng giấy nhận tiền và đĩa CD được đánh số bút lục và lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Lương Văn Ph số tiền 23.000.000đ, bồi thường cho bị hại Lương Đức H số tiền 15.145.000đ, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra số tiền bị cáo mượn riêng H 3.000.000đ, bị cáo đã trả cho H.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKSCL ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết Nh về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174 các điểm s, i, b, n khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù giam.

Về dân sự: đã giải quyết xong.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình, bị cáo xin hứa với HĐXX bị cáo sẽ phấn đấu rèn luyện trở thành công dân tốt, không vi phạm pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Cẩm Lệ, Điều tra viên,

Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết Nh khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX có đủ cơ sở khẳng định: Do cần tiền tiêu xài, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết Nh đã lợi dụng tâm lý lo lắng của Lương Đức H và gia đình của H đang là bị can trong vụ án hình sự, bị cáo nói dối là có quan hệ quen biết có thể: “chạy án” cho H để vụ án được đình chỉ trong giai đoạn điều tra, mà không bị truy tố, xét xử với tổng chi phí là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) khiến H và gia đình H tin là thật.

Trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2019, bị cáo đã 02 lần chiếm đoạt của Ông Lương Văn Ph và Lương Đức H với tổng số tiền, tài sản có giá trị là 38.145.000đ (Ba mươi tám triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết Nh phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng: Phạm tội 2 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Đánh giá tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, Hành vi của bị cáo thể hiện hai lần như sau:

Lần 1: Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách nói dối là bị cáo có nhiều mối quan hệ, quen biết có thể lo cho Lương Đức H không bị truy tố, xét xử khiến Ông Lương Văn Ph và Lương Đức H tin là thật nên đã nhờ bị cáo “chạy án” cho Lương Đức H và đã giao cho bị cáo 23.000.000đ. Số tiền chiếm đoạt được bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần 2: Bị cáo cũng dùng thủ đoạn nói dối bằng cách nói với H là cho bị cáo mượn máy laptop hiệu MSI GF 627RE1818XVN để soạn thảo đơn lo chạy việc của H. H tưởng thật nên đồng ý cho bị cáo mượn, sau đó bị cáo nhờ em ruột bị cáo là Nguyễn Tiến Th đến nhà H mang máy laptop về nhà cho bị cáo, vì không biết chỗ nhận cầm cố máy laptop được giá cao nên bị cáo nói dối Th là H

nhờ bị cáo cầm máy laptop để H lấy tiền lo “chạy án”. Thtin bị cáo nói thật nên đã mang máy laptop đến tiệm cầm đồ Kim Linh cầm được 8.000.000đ (Tám triệu đồng), Thđưa hết tiền cho bị cáo, bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Các hành vi của bị cáo nêu trên thể hiện bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, cần phải xử phạt thích đáng, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để có tác dụng cải tạo giáo dục đồng thời để răn đe làm gương cho người khác.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, người phạm tội là phụ nữ có thai, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo có công cách mạng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, i, b, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi của Nguyễn Tiên Th mang máy laptop đi cầm đồ, đem tiền về đưa cho bị cáo, Ththành động như vậy vì tin bị cáo nói H muốn bán máy để lấy tiền chạy án, Thkhông biết bị cáo có ý định chiếm đoạt laptop của H nên không có cơ sở xem xét hành vi của Thịnh.

Đối với xe ô tô BKS 43A - 093.63 là phương tiện bị cáo sử dụng đi đến địa điểm lừa đảo, nhận tiền của bị hại, qua điều tra xác minh chủ sở hữu là bà Đỗ Thị Như Tmẹ bị cáo, bà Tkhông biết bị cáo sử dụng xe để đi phạm tội nên không có cơ sở xử lý bà Tvà xe ô tô trên.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã bồi thường số tiền 38.145.000 đồng (Ba mươi tám triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) cho ông Ph và H. Ông Ph và H đã nhận tiền, không có yêu cầu bồi thường gì thêm, phần dân sự đã giải quyết xong nên HDXX không đề cập xử lý.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Tuyết Nh** phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2/ Về căn cứ điều khoản và hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm s, i, b, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **09 (Chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3/ Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4/Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo, những người tham gia tố tụng tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt có quyền kháng cáo với thời hạn trên kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Công an quận Cẩm Lệ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hai

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Công an quận Cẩm Lệ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

